

FROM CONFUCIAN SCHOLARSHIP TO MODERN EDUCATION: INTELLECTUAL TRANSFORMATION IN THUA THIEN HUE (1919-1945)

Le Hoai Nam

Industrial University of Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	16/9/2025	This study elucidates the transition from Confucian scholar-officials to Western-educated intellectuals in Thua Thien Hue during 1919-1945, situated within colonial educational reforms and rising nationalist movements. It aims to analyze the mechanisms by which the Confucian administrative elite was displaced by a new cohort trained in the Franco - Vietnamese school system, while assessing their role in modernization and revolutionary mobilization through the theoretical lens of Antonio Gramsci. Methodologically, the research draws on French- and Vietnamese-language archival sources, contemporary newspapers, and statistical yearbooks, combining historical inquiry with social-science approaches. The findings indicate that, as the traditional civil service examinations were abolished and the authority of Confucian scholar-officials eroded, Western-educated intellectuals emerged as a new force, engaging actively in political organizations, the press, and patriotic movements. This replacement process reflects a fundamental shift in the knowledge regime, social structure, and national consciousness. The study clarifies Hue's historical specificities within this broader transformation and suggests implications for the cultivation of intellectual leadership in the present.
Revised:	22/12/2025	
Published:	22/12/2025	

KEYWORDS

Confucian education
Modern education
Intellectual transformation
Thua Thien Hue
1919-1945

TỪ NHO HỌC ĐẾN TÂN HỌC: QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI TRÍ THỨC TẠI THỪA THIÊN HUẾ (1919-1945)

Lê Hoài Nam

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	16/9/2025	Nghiên cứu này làm rõ quá trình chuyển đổi từ tầng lớp trí thức Nho học sang trí thức Tân học tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 1919-1945, trong bối cảnh cải cách giáo dục thuộc địa và phong trào dân tộc. Mục tiêu chính là phân tích cơ chế thay thế của lớp quan lại Nho học bằng đội ngũ trí thức mới được đào tạo trong hệ thống giáo dục Pháp - Việt, đồng thời xem xét vai trò của họ trong tiến trình hiện đại hóa và vận động cách mạng qua khung lý thuyết Antonio Gramsci. Phương pháp nghiên cứu dựa trên tư liệu lưu trữ tiếng Pháp và tiếng Việt, báo chí đương thời, niên giám thống kê, kết hợp tiếp cận liên ngành của sử học và khoa học xã hội. Kết quả cho thấy, khi khoa cử truyền thống bị bãi bỏ và uy tín trí thức Nho học suy giảm, trí thức Tân học nổi lên như lực lượng mới, tham gia tích cực vào các tổ chức chính trị, báo chí và phong trào yêu nước. Quá trình thay thế này phản ánh sự dịch chuyển căn bản về tri thức, cơ cấu xã hội và ý thức dân tộc. Nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ đặc thù lịch sử của Huế và gợi mở những bài học cho việc xây dựng đội ngũ trí thức hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	22/12/2025	
Ngày đăng:	22/12/2025	

TỪ KHÓA

Giáo dục Nho học
Giáo dục Tân học
Chuyển đổi trí thức
Thừa Thiên Huế
1919-1945

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13624>

Email: hoainambthem@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

179

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam bước vào giai đoạn biến động sâu sắc dưới tác động của chế độ thuộc địa Pháp. Lực lượng trí thức, vốn nắm giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu chính trị - văn hóa của chế độ quân chủ, chịu ảnh hưởng trực tiếp. Hệ thống khoa cử Nho học - cơ chế đào tạo và tuyển chọn quan lại suốt nhiều thế kỷ - rơi vào khủng hoảng và chính thức bị chấm dứt bởi Dụ ngày 28-12-1918 của vua Khải Định bãi bỏ các kỳ thi Hương, thi Hội [1, tr. 13], [2, tr. 418]. Quyết định này khép lại một truyền thống học thuật lâu đời, mở ra khoảng trống quyền lực trí thức và tạo điều kiện cho một lớp trí thức mới hình thành thông qua giáo dục Pháp - Việt.

Nhiều công trình đã tiếp cận quá trình chuyển đổi này. Hồ Tài Huệ Tâm nhận xét sự tan rã của Nho học đã đặt truyền thống Việt Nam “dưới sự thử thách nghiệt ngã của hiện đại” [3, tr. 3], đồng thời “người Việt Nam đầu thế kỷ XX không thể tiếp tục bám víu vào khuôn khổ Nho giáo mà buộc phải tìm kiếm các hình thức trí thức mới” [4 tr. 49]. David G. Marr coi đây là giai đoạn mà truyền thống bị đưa “ra tòa” và đánh giá: “Nho sĩ cũ vừa phải đối diện với sự bất lực của chính mình trong bối cảnh thực dân, vừa bị tầng lớp trí thức mới thách thức ngay trên mặt trận trí thức” [5, tr. 55]. Shawn McHale nhấn mạnh vai trò của báo chí và công luận quốc ngữ, cho rằng “sự phát triển nhanh chóng của báo chí quốc ngữ từ thập niên 1920 đã tạo ra một không gian công cộng mới, nơi trí thức Việt Nam có thể tranh luận, phản biện và lan tỏa tư tưởng chính trị - xã hội” [6, tr. 24]. Còn Dương Thành Thông nhận định “báo chí xuất hiện và phát triển nhanh chóng, trở thành công cụ quan trọng cho trao đổi trí thức và văn hóa, nuôi dưỡng ý thức bản sắc và tinh thần dân tộc mới” [7, tr. 6].

Trong giới học thuật Việt Nam, Trần Thuận và Huỳnh Trung Kiên nhấn mạnh vai trò của các tân thư, tân văn cùng các phong trào Đông Du, Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục trong việc “hình thành lớp trí thức cải cách” [8, tr. 47]. Vương Quân Hoàng và cộng sự cho rằng “sự vắng bóng của Nho giáo có thể được giải thích bằng việc chấm dứt sử dụng chữ Hán trong học thuật và hành chính từ năm 1919, cùng với sự thăng tiến địa vị quốc gia của chữ Quốc ngữ vào năm 1945” [9, tr. 14]. Về mặt lý thuyết, A. Gramsci đã phân tích vai trò của trí thức khi cho rằng “Trí thức truyền thống... tự xem mình là độc lập, tách biệt khỏi giai cấp thống trị đương thời” [10, tr. 7].

Các công trình này đã xây dựng nền tảng lý luận vững chắc, song phần lớn mới dừng ở cái nhìn toàn quốc, ít khai thác trường hợp địa phương. Trong khi đó, Thừa Thiên Huế mang vị thế đặc thù: vừa là trung tâm Nho học của cả nước, vừa là trung tâm nơi sớm tiếp nhận giáo dục thuộc địa ở Trung Kỳ với sự ra đời của các trường Pháp-Việt như: Trường Quốc Học (1896) và Đông Khánh (1917). Tại đây, sự thay thế trí thức diễn ra rõ nét: từ việc Huế sản sinh nhiều tiến sĩ, cử nhân Nho học, chuyển sang đào tạo những nhân vật hàng đầu của trí thức Tân học và phong trào cách mạng sau này.

Bài viết này nhằm lấp đầy khoảng trống đó bằng cách phân tích tiến trình thay thế trí thức tại Thừa Thiên Huế từ năm 1919 (bãi bỏ khoa cử Nho học) đến năm 1945 (Cách mạng Tháng Tám). Trên cơ sở phương pháp lịch sử và logic, nghiên cứu khai thác tư liệu gốc như niên giám thống kê Đông Dương, báo chí đương thời, dụ chỉ triều Nguyễn, đồng thời tham chiếu các công trình hiện đại. Nội dung tập trung vào ba hướng: *Thứ nhất*, sự suy tàn của tầng lớp trí thức Nho học; *Thứ hai*, sự hình thành và khẳng định trí thức Tân học qua hệ thống giáo dục, báo chí và không gian công luận; *Thứ ba*, sự so sánh Huế với Hà Nội, Sài Gòn qua đó nhấn mạnh đặc thù Huế như một trung tâm chuyển tiếp trí thức.

Thông qua đó, bài viết góp phần làm sáng tỏ một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử trí thức Việt Nam và khẳng định vai trò đặc biệt của Huế trong tiến trình hiện đại hóa văn hóa - xã hội đầu thế kỷ XX. Đây cũng là đóng góp học thuật chính mà nghiên cứu hướng đến.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài này, khái niệm trí thức được hiểu là tầng lớp có tri thức, tham gia sản xuất và truyền bá ý tưởng, đồng thời tác động đến đời sống chính trị - xã hội. Ở Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX, có thể phân biệt hai nhóm chính: trí thức Nho học - sản phẩm của hệ thống khoa cử truyền

thống, và trí thức Tân học - hình thành qua giáo dục Pháp - Việt và môi trường báo chí, công luận. Nghiên cứu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic để phân tích, tái hiện tiến trình, cơ chế thay thế giữa hai tầng lớp trí thức Nho học và Tân học, trên cơ sở kết hợp tư liệu gốc và công trình hiện đại. Đồng thời nghiên cứu sử dụng khung lý thuyết Antonio Gramsci [10] để lý giải sự thay thế giữa trí thức Nho học và trí thức Tân học ở Thừa Thiên Huế từ 1919 đến 1945.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Quá trình suy tàn tầng lớp trí thức Nho học

Bước sang thế kỷ XX, tầng lớp trí thức Nho học vốn là trụ cột của hệ thống chính trị - xã hội Việt Nam bắt đầu suy yếu rõ rệt. Truyền thống khoa cử, tồn tại suốt hàng thế kỷ, trở thành con đường tiến thân duy nhất cho những người theo học Nho giáo. Tuy nhiên, trong bối cảnh thuộc địa, con đường này dần mất hiệu lực. Các kỳ thi Hương và Hội bị thu hẹp quy mô, nội dung lạc hậu so với yêu cầu xã hội mới, cuối cùng chính thức bị bãi bỏ năm 1919 theo dụ của vua Khải Định [5, tr. 18]. Sự kiện này đánh dấu sự sụp đổ về thể chế của một hệ thống vốn giữ vai trò quyết định trong việc tái sản xuất giai cấp nho sĩ.

Sự suy tàn này diễn ra trên hai bình diện. *Thứ nhất*, về cấu trúc, khoa cử không còn đảm bảo vai trò tuyển chọn quan lại, bởi bộ máy thuộc địa của Pháp áp đặt cơ chế bổ nhiệm mới, dựa trên tiêu chí hành chính - giáo dục Pháp - Việt thay vì Nho học. *Thứ hai*, về ý nghĩa xã hội, nho sĩ mất dần uy tín trong cộng đồng, khi không còn khả năng giải thích hay định hướng những vấn đề thời đại. Hồ Tài Huệ Tâm đã nhận xét rằng “Nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX đứng trước một khoảng trống, khi mô hình cũ mất đi mà mô hình mới chưa kịp định hình” [3, tr. 52].

Tại Huế (Thừa Thiên), trung tâm khoa bảng của Trung Kỳ, dấu suy tàn hiện rõ ở chặng cuối. Thi Hương chấm dứt năm 1918 [11, tr. 25]. Năm 1919 khép lại các khoa Hội và Đình [12, tr. 16]. Cùng thời, giáo dục Pháp - Việt được mở rộng với mục đích thay thế ảnh hưởng Nho học bằng ảnh hưởng Pháp, tạo ra một quỹ đạo đào tạo mới. Con đường tuyển chọn trí thức vì thế chuyển hướng: từ trường ốc Nho học sang nhà trường tân học. Những nhận định này phản ánh sự mất dần niềm tin của xã hội vào khoa cử Nho học.

Ngoài yếu tố thể chế, sự biến đổi trong cơ cấu quyền lực cũng thúc đẩy sự suy tàn. Bộ máy hành chính Pháp - Việt ưu tiên những người biết chữ quốc ngữ và tiếng Pháp. Do đó, cơ hội của nho sĩ bị thu hẹp, nhiều người buộc phải chuyển sang dạy học tư, bốc thuốc hoặc làm nghề viết thuê. David Marr nhận xét: “Sự nghiệp quan trường không còn là đích đến, nho sĩ mất đi nền tảng để duy trì vị thế xã hội” [5, tr. 61].

Tại Huế, nhiều nhân vật xuất thân Nho học đã phải thích nghi bằng cách chuyển hướng. Một số tham gia phong trào Duy Tân, số khác thử tìm cơ hội trong bộ máy mới. Nhưng nhìn chung, phần lớn rơi vào tình trạng “nửa cũ, nửa mới”, không còn giữ vai trò dẫn dắt xã hội. Sự suy yếu này cũng thể hiện ở việc các thiết chế gắn với Nho học như Quốc Tử Giám, Trường Hậu Bô ít được sử dụng, mang tính nghi lễ nhiều hơn là học thuật. Niên giám thống kê Đông Dương ghi nhận đến năm 1929, số trường Nho học ở Trung Kỳ hầu như không còn hoạt động chính thức [13, tr. 53]. Sau 1930, lớp học chữ Hán chỉ tồn tại rải rác trong dòng họ hoặc chùa chiền. Điều này đồng nghĩa với việc tầng lớp trí thức Nho học đã mất cơ sở tái sản xuất, chỉ còn lại như “bóng dáng quá khứ” trong ký ức xã hội.

Như vậy, quá trình chuyển đổi từ trí thức Nho học sang trí thức Tây học không chỉ là câu chuyện của hệ thống giáo dục mà còn phản ánh sự biến đổi sâu sắc về mặt chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

3.2. Quá trình trỗi dậy và phát triển của tầng lớp trí thức Tân học

3.2.1. Sự trỗi dậy của trí thức Tân học qua hệ thống giáo dục Pháp - Việt

Sự hình thành và phát triển nhanh chóng của hệ thống giáo dục Pháp - Việt dưới chế độ thuộc địa đã mở đường cho sự trỗi dậy của tầng lớp trí thức Tân học tại Thừa Thiên Huế. Đây không

chỉ là bước chuyển hóa trong phương thức đào tạo mà còn đánh dấu sự thay thế vai trò của trí thức Nho học bằng một lớp trí thức mới, gắn với khoa học, kỹ thuật và ngôn ngữ hiện đại.

Tại Huế, một số trường Pháp - Việt ra đời dưới chính sách cai trị của chủ nghĩa thực dân Pháp như: Quốc Học Huế (1896), Kỹ nghệ Thực hành (1899) và Đồng Khánh (1917), đây là những cơ sở giáo dục tân học tiêu biểu cho sự trỗi dậy và đổi thay tầng lớp trí thức Nho học. Các trường này áp dụng chương trình phương Tây, chú trọng khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, kỹ thuật, đồng thời kết hợp một phần văn hóa bản địa. Nhờ đó, học sinh được trang bị hành trang mới, vượt ra ngoài giới hạn kinh điển Nho giáo. Tác giả Henri Gourdon trong tác phẩm "*Dạy học cho người bản xứ ở Đông Dương*" đã viết: "Nền giáo dục Pháp - Việt nổi bật bởi phương pháp thực tiễn và sinh động hơn so với trường học truyền thống. Nó giúp học sinh tiếp xúc trực tiếp với thực tiễn hiện đại và rèn luyện tinh thần quan sát" [14, tr. 10]. Còn tác giả Henri Maître trong tác phẩm "*Nền giáo dục bản xứ ở xứ An Nam thuộc Liên bang Đông Dương*" cũng viết: "Thời gian đã làm phai nhạt những thành kiến cũ, và các trường dạy tiếng Pháp hiện nay đã mang lại một nền giáo dục vững chắc hơn" [15, tr. 150].

Dữ liệu thống kê số lượng học sinh tại Thừa Thiên Huế phản ánh rõ quỹ đạo trái ngược giữa Nho học và Tân học trong nửa đầu thế kỷ XX. Nếu như hệ thống Nho học ngày càng thu hẹp thì các trường Pháp - Việt ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, đặc biệt từ sau thập niên 1920 (xem Bảng 1).

Bảng 1. So sánh học sinh Nho học và Tân học tại Thừa Thiên Huế (1900-1945)

(Đơn vị tính: học sinh)

Năm học	Trường Nho học	Trường Quốc học Huế	Trường Nữ sinh Đồng Khánh Huế	Trường Kỹ nghệ thực hành Huế
1900-1901	850	182	-	198
1908-1909	450	302	-	221
1919-1920	250	600	420	280
1928-1929	20	900	720	350
1937-1938	-	1.020	636	400
1944-1945	-	870	580	310

(Nguồn: [13], [16] - [20])

Bảng 1 cho thấy quỹ đạo trái ngược giữa hai hệ thống. Nếu như số học sinh Nho học giảm mạnh từ 850 (1900-1901) xuống còn 20 (1928-1929) và biến mất sau thập niên 1930, thì số học sinh theo học Tân học liên tục tăng. Quốc Học và Kỹ nghệ từ vài trăm học sinh đầu thế kỷ XX đã đạt trên 1.000 vào thập niên 1930. Đồng Khánh, mở năm 1917, nhanh chóng có hàng trăm nữ sinh theo học, trở thành biểu tượng của bình đẳng giới trong giáo dục.

Không chỉ số lượng, chất lượng trí thức Tân học cũng nổi bật. Nhiều cựu học sinh Quốc Học, Đồng Khánh trở thành nhà báo, học giả, công chức, nhà hoạt động chính trị quan trọng: Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh), Trần Phú, Hà Huy Tập, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn (Hải Triều), Nguyễn Kim Thành (Tổ Hữu), Đào Duy Anh, Tạ Quang Bửu, Cao Văn Khánh... [21]. Trí thức nữ từ Đồng Khánh như Trần Thị Như Mẫn, Đào Thị Xuân Yên, Hoàng Thị Vệ, Nguyễn Khoa Bội Lan, Tôn Nữ Ngọc Toán... góp phần khẳng định vai trò phụ nữ trong đời sống văn hóa - xã hội [22, tr. 26].

Từ một "kinh đô Nho học", Huế trở thành "cái nôi của trí thức mới", nơi sản sinh lực lượng trí thức hiện đại gắn bó với tiến trình hiện đại hóa xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX [5, tr. 25]. Sự phát triển của giáo dục Pháp - Việt vì vậy không chỉ thay đổi hình thức đào tạo, mà còn tái cấu trúc vị trí của trí thức, mở đầu cho một giai đoạn chuyển hóa xã hội sâu rộng.

Qua Bảng 1 có thể thấy, khi Nho học nhanh chóng suy tàn và biến mất sau thập niên 1930 thì giáo dục Pháp - Việt ngày càng khẳng định vị thế, trở thành nền tảng quyết định cho sự hình thành tầng lớp trí thức Tân học tại Huế.

3.2.2. Báo chí, in ấn và sự hình thành công luận của trí thức Tân học

Cùng với giáo dục, báo chí và in ấn quốc ngữ là yếu tố quan trọng tạo điều kiện cho sự hình thành công luận mới ở Thừa Thiên Huế. Ngay từ thập niên 1920, Huế đã xuất bản nhiều tờ báo

và tạp chí, trong đó *Tiếng Dân* (1927-1943) của Huỳnh Thúc Kháng giữ vị trí nổi bật. Tờ báo này không chỉ truyền bá kiến thức chính trị - xã hội mà còn là diễn đàn phản biện, giúp trí thức Tân học gắn kết với quần chúng [6, tr. 403].

Sự phát triển của công luận gắn liền với hạ tầng in ấn. Từ các cơ sở in ở Sài Gòn - Chợ Lớn, công nghệ in nhanh chóng lan ra Trung Kỳ, trong đó Huế trở thành trung tâm quan trọng. Các nhà in ở Huế không chỉ phục vụ ấn phẩm báo chí mà còn in sách giáo khoa, tài liệu dịch thuật, góp phần lan tỏa tri thức mới [7, tr. 6-7]. Như McHale nhận xét, “sự bùng nổ của báo chí quốc ngữ đã tạo nên một không gian công cộng, nơi trí thức Việt Nam có thể tranh luận và kiến tạo công luận dân tộc” [6, tr. 403].

Đặc biệt, báo chí Huế còn gắn bó chặt chẽ với các phong trào chính trị. *Tiếng Dân* thường xuyên đăng tải các bài xã luận kêu gọi chấn hưng dân khí, cải cách xã hội, đấu tranh ôn hòa chống áp bức. Nhiều cây bút xuất thân từ Quốc Học và Đồng Khánh như Hải Triều, Trần Đình Phiến, Trần Đình Nam, Đào Duy Anh, Nguyễn Chí Diểu, Võ Nguyên Giáp đã tham gia viết báo, qua đó chuyển hóa tri thức Tân học thành hành động xã hội [23, tr. 45]. Điều này cho thấy báo chí không chỉ phản ánh mà còn góp phần định hình vai trò của trí thức mới.

Quá trình ấy khẳng định báo chí và in ấn là phương tiện thiết yếu để trí thức Tân học tạo dựng vị thế xã hội. Thông qua công luận quốc ngữ, họ giành lấy quyền phát biểu, tranh luận và định hướng dư luận - điều mà trí thức Nho học trước kia không có. Nhờ vậy, Huế dần trở thành trung tâm báo chí và công luận của Trung Kỳ, góp phần quyết định vào sự hình thành tầng lớp trí thức mới trong giai đoạn 1919-1945.

3.2.3. Trí thức Tân học và Nho học Thừa Thiên Huế trong khung lý thuyết Antonio Gramsci

Để lý giải sự thay thế giữa trí thức Nho học và trí thức Tân học ở Thừa Thiên Huế, có thể vận dụng khung phân tích của Antonio Gramsci về “trí thức truyền thống” và “trí thức hữu cơ”. Theo Gramsci, trí thức truyền thống là những người gắn với các thiết chế lâu đời, tự cho mình vị trí độc lập nhưng thực chất duy trì trật tự xã hội cũ. Ngược lại, trí thức hữu cơ xuất hiện từ những lực lượng xã hội mới, phản ánh và dẫn dắt nhu cầu lịch sử của thời đại [10, tr. 15].

Trong bối cảnh Việt Nam đầu thế kỷ XX, tầng lớp nho sĩ Huế chính là dạng “trí thức truyền thống”. Họ được đào tạo từ khoa cử, giữ vai trò trong bộ máy triều đình, song khi trật tự Nho học suy tàn thì cũng đánh mất tính chính đáng. Nhiều nho sĩ trở thành “bóng dáng của quá khứ”, không còn khả năng định hướng xã hội [3, tr. 5]. Trong khi đó, “các quan chức cấp cao và giới sĩ phu An Nam, khi họ bày tỏ khát vọng mãnh liệt đối với trí thức mới” [15, tr.153], đã trở thành lực lượng tiên phong tiếp nhận tư tưởng canh tân, mở đường cho sự hình thành lớp trí thức Tân học ở Thừa Thiên Huế.

Ngược lại, trí thức Tân học ở Huế có thể xem như “trí thức hữu cơ”, gắn bó trực tiếp với các lực lượng xã hội mới hình thành dưới chế độ thuộc địa. Được đào tạo từ Quốc Học, Đồng Khánh hay Kỹ nghệ Thực hành, họ không chỉ tiếp nhận tri thức hiện đại mà còn kết nối với báo chí, công luận, phong trào chính trị. Chính sự gắn bó này giúp họ trở thành hạt nhân của nhiều tổ chức cách mạng. Hải Triều, xuất thân từ Quốc Học, vừa là nhà báo, vừa là lý luận gia mác-xít, tiêu biểu cho kiểu “trí thức hữu cơ” gắn liền với phong trào công nhân. Tương tự, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn (Hải Triều), Đào Duy Anh, hay Trần Thị Như Mẫn đều khởi nguồn từ môi trường Tân học, nhanh chóng trở thành lãnh đạo chính trị - văn hóa.

Điểm quan trọng ở đây là sự kế thừa và thay thế. Dưới mái trường Pháp - Việt, mặc dù người Pháp đã ra sức tuyên truyền “công ơn khai hoá”, lôi kéo mua chuộc trí thức, nhưng tầng lớp này một khi đã giác ngộ, đã ly khai khỏi ảnh hưởng của người Pháp để đứng về phía dân tộc. Do đó, chúng ta không lấy làm lạ là trí thức dù xuất thân dưới mái trường của thực dân Pháp, nhưng vẫn đi với cách mạng dân tộc và người Pháp đã thất bại trong ý đồ “Pháp hoá” trí thức cũng như đồng hoá dân tộc Việt Nam.

Áp dụng khung Gramsci cho thấy rõ: sự trỗi dậy của trí thức Tân học ở Huế không chỉ đơn thuần là thay đổi phương thức đào tạo, mà còn là sự hình thành một “khối trí thức hữu cơ” [10, tr.

49], gắn liền với các lực lượng xã hội mới và có vai trò lãnh đạo phong trào dân tộc giai đoạn 1919-1945.

3.3. Bàn luận

3.3.1. So sánh với Hà Nội và Sài Gòn

Quá trình thay thế trí thức Nho học bằng trí thức Tân học tại Thừa Thiên Huế cần được đặt trong so sánh với hai trung tâm lớn cùng thời là Hà Nội và Sài Gòn. Việc so sánh này giúp làm rõ đặc thù của Huế cũng như chỉ ra xu hướng chung của xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

Một thực tế đáng chú ý là hệ thống Nho học đã khép lại với tốc độ khác nhau ở ba kỳ: Nam Kỳ dừng khoa cử từ năm 1867, Bắc Kỳ từ năm 1915, và Trung Kỳ từ năm 1919 [24, tr. 151-152]. Điều này cho thấy Nam Kỳ sớm chuyển hẳn sang giáo dục thuộc địa, Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì chậm hơn, nhưng sau khi bãi bỏ khoa cử, con đường học tập Nho học đều biến mất, mở đường cho Tân học vươn lên.

Dữ liệu thống kê trong Bảng 2 phản ánh rõ sự thay đổi về số lượng học sinh Nho học và Tân học tại ba trung tâm: Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Qua Bảng 2 cho thấy sự suy tàn của giáo dục Nho học so với quá trình lớn mạnh lên của giáo dục Pháp - Việt).

Bảng 2. Thống kê số lượng học sinh Nho học và Tân học của 3 trung tâm lớn

(Đơn vị tính: học sinh)

Năm	Loại hình	Hà Nội	Huế	Sài Gòn
1900-1901	Nho học	1200	850	1000
	Tân học	280	182	300
1907-1908	Nho học	750	428	620
	Tân học	420	302	450
1919-1920	Nho học	~200	~ 150	~ 180
	Tân học	650	512	580
1930-1931	Nho học	---	---	---
	Tân học	1250	720	1100

(Nguồn: [13], [15], [17], [20])

Qua Bảng 2 có thể thấy, vào năm 1900, học sinh Nho học vẫn chiếm ưu thế ở cả ba địa phương. Tuy nhiên, đến năm 1908, học sinh Tân học đã tăng nhanh, đặc biệt tại Hà Nội và Sài Gòn, những nơi được thực dân Pháp đầu tư mạnh cho trường lớp hiện đại. Huế dù là kinh đô, vẫn còn bị chi phối bởi thiết chế cung đình nên số lượng Tân học còn hạn chế. Sau khi khoa cử bị bãi bỏ năm 1919, tình hình thay đổi rõ rệt: Nho học biến mất nhanh chóng, Tân học nổi lên mạnh mẽ và chiếm ưu thế tuyệt đối.

Ở Hà Nội, Lycée Albert Sarraut và Đại học Đông Dương (1906) đã tạo ra một lớp trí thức hàn lâm cao cấp, sản sinh bác sĩ, kỹ sư, học giả, trở thành lực lượng quan trọng cả trong bộ máy thuộc địa lẫn phong trào dân tộc. Ở Sài Gòn, đặc điểm đô thị cảng thị và thương mại sôi động giúp trí thức Tân học gắn với báo chí, phong trào dân chủ và cải cách xã hội. Còn ở Huế, sự bảo thủ ban đầu khiến Tân học chậm phát triển, nhưng sau 1919 lại bùng nổ nhờ Quốc Học, Đồng Khánh, Kỹ nghệ. Điều này cho thấy, sự thay đổi trí thức ở Huế vừa giữ dấu ấn cung đình vừa tạo lớp trí thức gắn bó chặt chẽ với phong trào cách mạng, phản ánh tính chất “chuyển tiếp” đặc thù.

Kết quả so sánh trên cho thấy, điểm tương đồng ở cả ba trung tâm là sự suy tàn nhanh chóng của trí thức Nho học sau khi khoa cử chấm dứt; điểm khác biệt nằm ở tính chất: Hà Nội hàn lâm, Sài Gòn thực nghiệp, Huế pha trộn bảo thủ và dân tộc. Đây chính là bức tranh chung về sự thay thế trí thức Việt Nam giai đoạn 1919-1945.

3.3.2. Một vài nhận xét

Qua so sánh quá trình biến đổi trí thức giữa Huế với Hà Nội, Sài Gòn, có thể khẳng định sự thay thế tầng lớp trí thức ở Huế mang những nét đặc thù rõ ràng: diễn ra nhanh chóng, triệt để

nhưng đồng thời giàu tính kế thừa văn hóa. Đặc điểm này phản ánh sự tổng hòa giữa áp đặt của cơ chế thuộc địa và khả năng thích nghi sáng tạo của trí thức địa phương.

Trước hết, về tốc độ và quy mô, Huế là trung tâm ghi nhận sự suy tàn nhanh nhất của Nho học. Nếu Hà Nội còn chứng kiến sự tồn tại song song của Nho học và Tân học trong thập niên 1920, và Sài Gòn đã sớm chuyển sang giáo dục Tân học trong bối cảnh trực trị, thì Huế với vai trò kinh đô của nền Nho học đã trải qua sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống khoa cử chưa đầy một thập kỷ sau khi bãi bỏ kỳ thi năm 1919. Đây được xem là một bước ngoặt chưa từng có trong lịch sử trí thức Việt Nam [5, tr. 12].

Thứ hai, xét về tính chất xã hội, trí thức Thừa Thiên Huế mang trong mình đặc điểm “kế thừa” quan trọng: ngoài việc tiếp thu tri thức và tư duy Tây học, họ còn tái diễn giải và sử dụng di sản Khổng học như một nguồn lực đạo đức quan trọng. Những nhân vật như Đạm Phương nữ sử (Tôn Nữ Đồng Canh) qua tờ báo *Phụ Nữ tùng san* hay Huỳnh Thúc Kháng với báo *Tiếng Dân* là minh chứng rõ nét cho việc trí thức Tân học không hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ mà biết vận dụng vốn văn hóa truyền thống để phản biện và xây dựng công luận [6, tr. 402]. Đây chính là sự tiến hóa văn hóa theo quan điểm của Gramsci về chuyển từ trí thức truyền thống sang trí thức hữu cơ [10, tr. 7].

Tóm lại, sự thay thế trí thức ở Huế là một quá trình cấu trúc - hữu cơ - kế thừa, góp phần đưa thành phố từ “thủ đô Nho học” trở thành một trong những trung tâm trí thức Tân học và công luận sôi động hàng đầu Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX.

4. Kết luận

Nghiên cứu “*Từ Nho học đến Tân học: quá trình chuyển đổi trí thức tại Thừa Thiên Huế (1919-1945)*” cho thấy một bước ngoặt cấu trúc trong lịch sử trí thức Việt Nam. Việc bãi bỏ khoa cử đã làm đứt gãy cơ chế tái sản xuất của tầng lớp nho sĩ; vốn Hán học mất kênh chuyển hóa thành chức nghiệp và uy tín công. Song song, hệ thống trường Pháp - Việt, báo chí quốc ngữ và không gian công luận tạo ra một nền tuyển chọn mới, nơi trí thức tân học nổi lên với năng lực tổ chức, biện luận và hành động xã hội. Trường hợp Huế mang sắc thái riêng: vừa chịu quán tính cung đình, vừa là nơi kết tinh một đội ngũ tân học gắn bó với phong trào dân tộc. Sự ra đời của tầng lớp trí thức Tân học đã tác động mạnh mẽ đến quá trình chuyển đổi các tầng lớp trí thức Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng. Kết quả nghiên cứu góp phần nhận diện cơ chế, nhịp độ và hệ quả của quá trình chuyển đổi ấy, đồng thời gợi mở cách đọc Huế như một phòng thí nghiệm lịch sử nơi các giá trị truyền thống được tái diễn giải trong hình thức hiện đại. Từ đó, có thể hiểu rõ hơn con đường hiện đại hóa đặc thù của Việt Nam đầu thế kỷ XX./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. Q. Duong, *Vietnam: Historical Events (1919-1945)*. Education Publishing House, Hanoi, 2001.
- [2] Nguyen Dynasty National History Office, *Dong Khanh - Khai Dinh Essentials*, trans. N. V. Nguyen. Thai Dai Publishing House, Hanoi, 2010, p. 418.
- [3] T. H. T. Ho, *Radicalism and the Origins of the Vietnamese Revolution*. Cambridge, MA, USA and London, UK: Harvard University Press, 1992.
- [4] V. N. Tran, “Vietnamese Intellectuals Facing Western Civilization under French Colonial Rule,” *Journal of Social Sciences and Humanities*, vol. XXII, no. 2, pp. 46-55, 2006.
- [5] D. G. Marr, *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*. University of California Press, 1984.
- [6] S. McHale, “Vietnamese print culture under French colonial rule: The emergence of a public sphere,” *South East Asia Research*, vol. 15, no. 3, pp. 377-412, 2007.
- [7] D. T. Thong, “Printing and publishing in Saigon-Cho Lon, Vietnam: Catalysts of colonial social and cultural transformation,” *Journal of International Publishing and Development*, vol. 2, no. 1, pp. 1-23, 2024.
- [8] T. Tran and H. T. Kien, “The Encounter between Confucian Scholars and Western-Educated Intellectuals in Early 20th-Century Vietnam,” *Journal of Science and Technology Development*, vol. 19, no. X1, pp. 45-55, 2016.

-
- [9] Q. H. Vuong *et al.*, "Cultural additivity: behavioural insights from the interaction of Confucianism, Buddhism and Taoism in folktales," *Palgrave Communications*, vol. 4, no. 143, pp. 1-19, 2018.
- [10] A. Gramsci, *Selections from the Prison Notebooks*. New York: International Publishers, 1971.
- [11] T. C. Q. Nguyen, *Vietnamese Civil Service Examinations* (Upper Volume: Provincial Exam). Paris: An Tiem, 2002.
- [12] T. C. Q. Nguyen, *Vietnamese Civil Service Examinations* (Lower Volume: Metropolitan and Palace Examinations). Center for National Studies & Literature Publishing House, Hanoi, 2007.
- [13] Government-General of Indochina, *Statistical Yearbook of Indochina, vol. 1 (1913-1922), "Instruction"*. Hanoi: Far East Printing House, 1923, p. 53.
- [14] H. Gourdon, *The Education of the Natives in Indochina*. Paris: National Printing House, 1910.
- [15] H. Maître, "Indigenous Education in Annamese Indochina," *The Pedagogical Review*, vol. 52, pp. 144-160, 1908.
- [16] Ministry of Colonies, *Statistical Yearbook of the Ministry of Colonies, 1900*. Paris: National Printing House, 1900, pp. 225-228.
- [17] Government-General of Indochina, *Statistical Yearbook of Indochina, vol. 2 (1923-1929), "Instruction"*. Hanoi: Far East Printing House, 1930, p. 82.
- [18] Government-General of Indochina, *Statistical Yearbook of Indochina, vol. 8 (1937-1938), "Instruction"*. Hanoi: Far East Printing House, 1939, pp. 40-47.
- [19] Government-General of Indochina, *Statistical Yearbook of Indochina, vol. 11 (1943-1946), "Instruction"*. Hanoi: Far East Printing House, 1947, pp. 39-55.
- [20] Ministry of Colonies, *Statistical Yearbook of the Ministry of Colonies*. Paris: National Printing House, 1908, pp. 233-236.
- [21] P. T. Tran, *Quoc Hoc Hue: Past and Present*, vol. 1-2. Information and Culture Publishing House, Hanoi, 2013.
- [22] Alumni Association of Dong Khanh - Hai Ba Trung High School, *Centenary of Dong Khanh - Hai Ba Trung High School, Hue*. Thuan Phat Printing Joint Stock Company, 2017.
- [23] X. H. Nguyen, *History of Journalism in Hue*. Thuan Hoa Publishing House, 2013.
- [24] Q. T. Nguyen, *Imperial Examinations and Education in Vietnam* (4th ed., expanded). Ho Chi Minh City General Publishing House, 2005.